

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09/2020/DS-PT**

Ngày: 02 - 11 - 2020

*V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất và
yêu cầu hủy quyết định cá biệt*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Xuân Thành**

Các thẩm phán Ông **Nguyễn Văn Tào**

Ông **Trương Công Thi**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Hải An**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông **Trần Thanh Tuấn**, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 259/2019/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2019 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy quyết định cá biệt*”.

Do có kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2019/DS-ST ngày 02/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 62/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Huỳnh Tấn P, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1965; Cùng địa chỉ: tỉnh Quảng Nam; Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Huỳnh Tấn P: Luật sư Phan Công H - Văn phòng luật sư Đào Duy K thuộc đoàn luật sư tỉnh Quảng Nam. Địa chỉ: tỉnh Quảng Nam; Có mặt.

*** Bị đơn:** Ông Huỳnh Tấn Q (Q), sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1968; Cùng địa chỉ: tỉnh Quảng Nam; Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Huỳnh Tấn Q: Luật sư Trần

Văn M - Văn phòng luật sư H thuộc đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng; Có mặt.

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân (UBND) thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh V - Phó trưởng Phòng T nguyên và Môi trường thị xã Đ; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

2. Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1953; Vắng mặt.

Địa chỉ: thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam;

3. Ông Huỳnh Tấn L, sinh năm 1955; Vắng mặt.

Địa chỉ: Khối phố Q (Khối 8B cũ), phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam;

4. Bà Huỳnh Thị V, sinh năm 1968; Vắng mặt.

Địa chỉ: thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam;

5. Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1971; Vắng mặt.

Địa chỉ: tỉnh Quảng Nam;

6. Ông Huỳnh Tấn Hoàng A, sinh năm 1990; Vắng mặt.

7. Ông Huỳnh Tấn Q, sinh năm 1991; Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của ông A và ông Q là ông Huỳnh Tấn Q (Q), sinh năm 1964 (Các văn bản ủy quyền được chứng thực ngày 01/7/2019).

Cùng địa chỉ: Khối phố Q (Khối 8B cũ), phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

8. Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1983; Vắng mặt.

Địa chỉ: tỉnh Bình Định.

Địa chỉ liên hệ: Khối 8B, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

9. Ông Huỳnh Tấn T, sinh năm 1986; Vắng mặt.

10. Ông Huỳnh Tấn T1A, sinh năm 1988; Vắng mặt.

11. Bà Huỳnh Thị T1, sinh năm 1991; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Khối phố Q (Khối 8B cũ), phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

12. Bà Võ Thị R, sinh năm 1930 (Đã chết). Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà R là các con bà R cũng là đương sự trong vụ án gồm: Bà Huỳnh Thị T; ông Huỳnh Tấn L; ông Huỳnh Tấn P; ông Huỳnh Tấn Q; bà Huỳnh Thị V; bà Huỳnh Thị H.

*** Người kháng cáo:** Bị đơn – ông Huỳnh Tấn Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Quá trình tổ tụng nguyên đơn ông Huỳnh Tấn P và bà Nguyễn Thị B trình bày:

Nguyên mảnh vườn hiện nay bà Võ Thị R đang sử dụng là do ông bà nội ông P để lại từ trước năm 1975. Sau năm 1975 cha mẹ ông P từ Đà Nẵng dọn về quê hương và tiếp tục làm nhà sinh sống cùng các con trên mảnh vườn này. Theo hồ sơ địa chính được xác lập theo Chỉ thị 299/TTg vào khoảng năm 1980 thì đất vườn của cha mẹ ông được đăng ký, quản lý diện tích 1400m², thửa đất số 602, tên người đăng ký là Huỳnh Tấn K.

Đến năm 1983 ông có vợ, do nhà cửa chật chội, đông người nên vào năm 1987 cha mẹ ông đã thống nhất cho đất thổ cư để vợ chồng ông làm một ngôi nhà tạm sườn tre, vách phên, lợp ngói ra ở riêng, việc tặng cho đất không viết giấy tờ tặng cho mà chỉ nói miệng và chỉ mốc giới để xác định phần đất diện tích 250m².

Đến năm 1991, thực hiện chủ trương chung của nhà nước tiến hành kê khai, đăng ký đất đai theo quy định của pháp luật thì hộ ông đã kê khai, đăng ký diện tích 250m². Đến năm 1994, nhà nước tiến hành đo đạc theo hiện trạng sử dụng đất, giao cho hộ ông diện tích 250m² và đến ngày 24/11/1995 nhà nước đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông với diện tích 250m² tại thửa số 738a. Việc ông P sử dụng diện tích 250m² từ năm 1987 và sau đó được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cha mẹ cũng như tất cả các anh chị em của ông P đều biết nhưng không ai có ý kiến hay tranh chấp gì.

Vợ chồng ông P sử dụng ngôi nhà và đất diện tích 250m² từ năm 1987 đến năm 1997 do nhà tranh tre, cũ kỹ mưa gió lâu ngày bị hư hỏng nặng, hơn nữa thửa đất của ông P thấp lệt nên vào khoảng năm 1997 vợ chồng ông P đã tháo dỡ toàn bộ ngôi nhà cũ làm một ngôi nhà xây mới cạnh nhà cha mẹ cũng nằm trong thửa đất diện tích 800m² của cha mẹ và phần đất được cấp diện tích 250m² ông P sử dụng trồng rau, hoa màu.

Đến năm 2004 vợ chồng ông Q xin ông P làm tạm một quán để buôn bán bánh, kẹo, thuốc và được ông P đồng ý. Ông Q đã dựng tạm một quán lợp tôn, vách phên để buôn bán. Đến năm 2005, ông Q mở rộng diện tích quán để bàn bi da và tự ý đổ gạch để xây dựng, ông P phát hiện đã đập đổ phần xây dựng, ông Q không xây dựng nữa. Đến năm 2008, ông Q tiếp tục đổ gạch xây dựng quán, ông P đã ngăn cản và báo cáo với chính quyền địa phương nhiều lần nhưng chính quyền địa phương không can thiệp, bản thân ông P có ngăn cản nhưng bị cha con ông Q hăm dọa và

hành hung. Ông Q tiếp tục xây dựng quán kiên cố, đồ gác lửng và lấn chiếm đất của hộ ông P diện tích 53,15m².

Đến tháng 6/2012, ông Q tiếp tục lấn chiếm đất của ông P để làm mái che, ông P đã ngăn cản đồng thời làm đơn khiếu nại đến chính quyền địa phương. UBND xã Đ có đến đình chỉ xây dựng, ông Q không xây dựng nữa. Đến năm 2014 ông Q tiếp tục lấn chiếm đất làm mái che, ông P có báo cáo chính quyền địa phương đến can thiệp không cho xây dựng, nhưng khi chính quyền địa phương ra về thì ông Q tiếp tục làm mái che lấn chiếm diện tích 16,4m² và ông P liên tục khiếu nại từ đó đến nay. Vợ chồng ông Q lấn chiếm đất của vợ chồng ông P tổng diện tích là 69,55m².

Do đó, ông Huỳnh Tấn P và bà Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc vợ chồng Huỳnh Tấn Q, bà Nguyễn Thị X tháo dỡ toàn bộ tài sản xây dựng trên phần đất lấn chiếm, trả lại cho vợ chồng ông P, bà B diện tích 69,55m² thuộc thửa số 738a, tờ bản đồ số 01, địa chỉ Khối 8B, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

Đối với yêu cầu phản tố của ông Q về việc: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E0435828, cấp ngày 24/11/1995, diện tích 250m², số thửa 738a, tờ bản đồ số 01, mục đích sử dụng đất: Thổ cư, được UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) cấp cho hộ Huỳnh Tấn P thì vợ chồng ông Huỳnh Tấn P không chấp nhận.

Đối với đơn cứu xét mà bà R gửi đến Tòa án cấp cao để xin xét xử Giám đốc thẩm là không đúng vì bà R lúc này đang đau nằm điều trị tại bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng. Bà R cũng không có nói và không biết gì về hoán đổi đất như trong đơn, mọi việc là do ông Q thực hiện. Đồng thời, trong đơn ghi nội dung mâu thuẫn nhưng lại được chấp nhận một cách vô lý, mâu thuẫn ở nội dung sau: Ông P ở tại thửa 738a đến năm 1997, đăng ký hồ sơ 64/CP năm 1994 và được cấp giấy chứng nhận năm 1995 khi còn đang ở tại thửa này nhưng trong đơn bà R ghi *“Khi đăng ký quyền sử dụng đất ông P không đăng ký diện tích đất đang ở mà lại đăng ký diện tích đất tại vị trí được tặng cho năm 1987 nhưng đã chuyển đổi lại vị trí”*. Đó đó, ông không thống nhất với nội dung trong đơn bà R gửi Tòa án cấp cao.

Quá trình tố tụng bị đơn ông Huỳnh Tấn Q và bà Nguyễn Thị X trình bày:

Nguyên thửa đất hiện nay bà Võ Thị R đang sử dụng là đất của ông bà nội để lại cho cha mẹ ông Q từ trước năm 1975. Sau năm 1975 cha mẹ ông Q từ Đà Nẵng dọn về quê hương và làm nhà ở trên thửa đất này. Quá trình sử dụng đất cha mẹ ông Q đã kê khai, đăng ký đất đai theo đúng quy định của pháp luật.

Theo hồ sơ đăng ký 299/TTg, vào khoảng năm 1980 thì khu vườn của cha,

mẹ ông được kê khai, đăng ký với diện tích 1.400m², tại thửa đất số 602, người đứng tên là hộ Huỳnh Tấn K. Đến khoảng năm 1993, vợ chồng ông P đã làm một ngôi nhà tạm vách phên, lợp ngói trên thửa đất diện tích 250m² của cha mẹ ông. Đến khoảng năm 1995, vợ chồng ông P tháo dỡ ngôi nhà tạm đó và làm một ngôi nhà xây sát nhà cha mẹ cũng nằm trong khu vườn của cha, mẹ ông.

Đến khoảng năm 1990, bà R đã làm tạm một quán lợp tôn, vách phên để buôn bán trong phần đất diện tích 250m² (làm sát bờ mương thủy lợi). Đến năm 2001, bà R không buôn bán nữa nên đã giao lại quán cho vợ chồng ông Q tiếp tục sử dụng để buôn bán. Đến năm 2004, vợ chồng ông Q mở rộng diện tích quán để bàn bi da và đến năm 2008 vợ chồng ông Q đổ gạch xây dựng quán kiên cố và đổ gác lửng bê tông cốt thép. Đến năm 2013, vợ chồng ông Q tiếp tục xây dựng thêm chái tôn, sườn sắt; khi xây dựng thì phát sinh tranh chấp, chính quyền địa phương đã can thiệp nhưng vợ chồng ông Q vẫn tiếp tục xây dựng. Vợ chồng ông Q xây dựng quán và làm mái che trên đất của cha mẹ. Do đó vợ chồng ông Q không chấp nhận yêu cầu buộc tháo dỡ tài sản, trả đất diện tích 69,55m² theo yêu cầu của vợ chồng ông P.

Diện tích 250m² là đất của cha mẹ ông Q, trên phần đất này có một phần lối đi của gia đình đã tồn tại từ trước năm 1975 đến nay. Nhà nước đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông P nhưng không có giấy tờ tặng cho đất của cha mẹ và cấp đất chồng lấn lên lối đi của gia đình. Ông Q yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E0435828, cấp ngày 24/11/1995, diện tích 250m², số thửa 738a, mục đích sử dụng đất: Thổ cư, được UBND huyện Đ (nay là thị xã) cấp cho hộ Huỳnh Tấn P.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án, người đại diện theo ủy quyền của UBND thị xã Đ trình bày:

Thực hiện Nghị định 64/CP của Chính phủ giao cho địa phương xây dựng phương án và cấp đất theo đơn đăng ký của hộ nhân dân, ở giai đoạn này pháp luật không quy định về việc tặng cho quyền sử dụng đất. UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cơ sở UBND xã Điện Nam (nay là phường Đ) xây dựng phương án cấp đất ở và đất sản xuất (màu) cho nhân dân theo tinh thần giao đất từ trong vườn giao ra và có đơn đăng ký quyền sử dụng đất của hộ dân trong đó có hộ ông Huỳnh Tấn P. Trên cơ sở đơn đăng ký quyền sử dụng đất của hộ Huỳnh Tấn P và được sự thống nhất của Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã Điện Nam, UBND xã Điện Nam đã phê duyệt thống nhất và đề nghị UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E0435828, ngày

24/11/1995, với tổng diện tích 3.650m² trong đó có thửa số 738a, diện tích 250m², tờ bản đồ số 01, loại đất: Thổ cư, thời hạn sử dụng lâu dài và 8 thửa đất nông nghiệp khác cho hộ ông Huỳnh Tấn P.

Như vậy, việc nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E0435828, ngày 24/11/1995, thửa số 738a, diện tích 250m², tờ bản đồ số 01, loại đất: Thổ cư cho hộ ông Huỳnh Tấn P là đúng quy định của pháp luật. Do đó, UBND thị xã Đ không chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Tấn Q.

Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án bà Võ Thị R trình bày:

T1A bộ đất tại thửa 738a, diện tích 250m² và thửa 738, diện tích 800m² là đất của cha mẹ chồng để lại cho vợ chồng bà sử dụng từ trước năm 1975. Đến năm 1987, vợ chồng bà thống nhất cho con trai là Huỳnh Tấn P diện tích 250m² để làm nhà ở. Việc cho đất không lập văn bản mà chỉ nói miệng và chỉ mốc giới. Thời gian sau, vợ chồng ông P được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 250m², việc cho đất đối với ông P các con bà đều biết (kể cả Huỳnh Tấn Q) nhưng không ai có ý kiến gì.

Đến năm 1997, do thấp lựt nên vợ chồng ông P đã di dời ngôi nhà cũ trên phần đất diện tích 250m² làm một ngôi nhà xây sát nhà bà và diện tích 250m² vợ chồng ông P sử dụng để trồng rau, hoa màu. Trong thời gian này, bà có làm một quán tạm bằng tranh tre trên phần đất diện tích 250m² để buôn bán. Đến năm 2002, bà không buôn bán nữa và đã giao quán cho vợ chồng ông Huỳnh Tấn Q sử dụng. Sau khi ông Q nhận quán buôn bán được thời gian thì mở rộng thêm diện tích quán và xây dựng kiên cố, vợ chồng ông P có ngăn cản nhưng vợ chồng ông Q vẫn tiếp tục xây dựng hoàn thiện như hiện nay.

Việc nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 250m² cho ông P bà không có ý kiến gì, không ảnh hưởng đến quyền lợi của bà. Tuy nhiên, hiện nay trên diện tích 250m² có một phần lối đi cũ của gia đình bà, bà đề nghị cơ quan pháp luật tạo điều kiện cho bà được tiếp tục đi trên lối đi cũ vì lối đi này đã có từ trước năm 1975 đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì bà Võ Thị R chết nên Tòa án đưa những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà R là các con bà R vào tham gia tố tụng, đồng thời họ cũng là đương sự trong vụ án gồm: Bà Huỳnh Thị T; ông Huỳnh Tấn L; ông Huỳnh Tấn P; ông Huỳnh Tấn Q; bà Huỳnh Thị V; bà Huỳnh Thị H.

Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án bà Huỳnh Thị T trình bày:

Tôi là con đẻ của bà Võ Thị R và ông Huỳnh Tấn K. Nguyên thửa đất vườn hiện nay mẹ tôi và ông P, ông Q đang ở là đất của cha mẹ tôi do ông bà nội tôi để

lại. Trước năm 1975, cha mẹ tôi ở Đà Nẵng, sau năm 1975, cha mẹ tôi cùng các con dọn về khu vườn của ông bà nội để lại. Sau khi cưới vợ cho ông P, do nhà cửa chật chội nên cha mẹ tôi đã cắt đất cho ông P làm nhà riêng trên mảnh vườn của cha mẹ tôi trong khuôn viên vườn của cha mẹ vào khoảng năm 1987 làm nhà tranh ở được mấy năm. Thời gian mấy năm sau do khu đất ông P làm nhà ở bị thấp lựt nên cha mẹ tôi đồng ý cho vợ chồng ông P làm nhà sát bên nhà cha mẹ như hiện nay. Việc cha mẹ tôi cho ông P phần đất vườn mà hiện nay Nhà nước đã cấp bìa đỏ cho ông P với diện tích 250m², lúc cho cả cha mẹ và các anh chị em trong nhà đều biết và cũng không ai có ý kiến gì. Còn việc có ghi giấy tờ tặng cho không thì tôi không biết. Trong khu vườn của cha mẹ tôi có một con đường đi trong gia đình từ nhà cha mẹ ra đến đường chính và lúc đó con đường bằng đất khoảng 1,5m và con đường đó hiện nay vẫn đang sử dụng và đổ bê tông như hiện nay. Con đường này hiện nay đi qua đất của mẹ tôi và đất của ông P. Nguyên trước đây mẹ tôi đã làm tạm một quán nhỏ để buôn bán. Hiện nay, ông Q làm quán ngay vị trí quán cũ của mẹ tôi nhưng mở rộng hơn. Còn mẹ tôi có bàn giao quán đó cho ông Q hay không thì tôi không rõ. Tôi xác định phần đất mà Nhà nước đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Huỳnh Tấn P với diện tích 250m² là đất của cha mẹ tôi đã cho ông P và tất cả anh chị em tôi ai cũng biết, không ai có ý kiến gì. Nay giữa ông P và ông Q khởi kiện với nhau tôi không can thiệp và không hề liên quan. Tòa án giải quyết theo pháp luật và tôi không có ý kiến gì thêm.

Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án ông Huỳnh Tấn L trình bày:

Tôi là con đẻ của bà Võ Thị R và ông Huỳnh Tấn K. Nguyên thừa đất vườn hiện nay mẹ tôi và ông P, ông Q đang ở là đất của cha mẹ tôi do ông bà nội tôi để lại. Trước năm 1975, cha mẹ tôi ở Đà Nẵng, sau năm 1975, cha mẹ tôi cùng các con dọn về khu vườn của ông bà nội để lại. Việc cha mẹ tôi cho ông P phần đất vườn mà hiện nay Nhà nước đã cấp bìa đỏ cho ông P với diện tích 250m², lúc cho cả cha mẹ và các anh chị em trong nhà đều biết và cũng không ai có ý kiến gì. Còn việc có ghi giấy tờ tặng cho không thì tôi không biết. Trong khu vườn của cha mẹ tôi có một con đường đi trong gia đình từ nhà cha mẹ ra đến đường chính và lúc đó con đường bằng đất khoảng 1,5m, con đường đó hiện nay vẫn đang sử dụng và đổ bê tông như hiện nay. Con đường này hiện nay đi qua đất của mẹ tôi và đất của ông P. Tôi xác định phần đất mà Nhà nước đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Huỳnh Tấn P với diện tích 250m² là đất của cha mẹ tôi đã cho ông P và tất cả anh chị em tôi ai cũng biết, không ai có ý kiến gì. Ông P và ông Q khởi kiện với nhau tôi không can thiệp và không hề liên quan nên yêu cầu Tòa án không triệu tập tôi.

Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án bà Huỳnh Thị H trình bày:

Tôi là con đẻ của bà Võ Thị R và ông Huỳnh Tấn K. Nguyên thửa đất vườn hiện nay mẹ tôi và ông P, ông Q đang ở là đất của cha mẹ tôi do ông bà nội tôi để lại. Trước năm 1975, cha mẹ tôi ở Đà Nẵng, sau năm 1975, cha mẹ tôi cùng các con dọn về khu vườn của ông bà nội để lại. Việc cha mẹ tôi cho ông P phần đất vườn mà hiện nay Nhà nước đã cấp bìa đỏ cho ông P với diện tích 250m², lúc cho cả cha mẹ và các anh chị em trong nhà đều biết và cũng không ai có ý kiến gì. Tôi xác định phần đất mà Nhà nước đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Huỳnh Tấn P với diện tích 250m² là đất của cha mẹ tôi đã cho ông P và tất cả anh chị em tôi ai cũng biết, không ai có ý kiến gì về phần đất đó.

Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án bà Huỳnh Thị V trình bày:

Tôi là con đẻ của bà Võ Thị R và ông Huỳnh Tấn K. Nguyên thửa đất vườn hiện nay mẹ tôi và ông P, ông Q đang ở là đất của cha mẹ tôi do ông bà nội tôi để lại. Trước năm 1975, cha mẹ tôi ở Đà Nẵng, sau năm 1975, cha mẹ tôi cùng các con dọn về khu vườn của ông bà nội để lại. Việc cha mẹ tôi cho ông P phần đất vườn mà hiện nay Nhà nước đã cấp bìa đỏ cho ông P với diện tích 250m², lúc cho cả cha mẹ và các anh chị em trong nhà đều biết và cũng không ai có ý kiến gì. Còn việc có ghi giấy tờ tặng cho không thì tôi không biết. Trong khu vườn của cha mẹ tôi có một con đường đi trong gia đình từ nhà cha mẹ ra đến đường chính và lúc đó con đường bằng đất khoảng 1,5m và con đường đó hiện nay vẫn đang sử dụng và đổ bê tông như hiện nay. Con đường này hiện nay đi qua đất của mẹ tôi và đất của ông P. Tôi xác định phần đất mà Nhà nước đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Huỳnh Tấn P với diện tích 250m² là đất của cha mẹ tôi đã cho ông P và tất cả anh chị em tôi ai cũng biết, không ai có ý kiến gì. Ông P và ông Q khởi kiện với nhau tôi không can thiệp và không hề liên quan, Tòa án giải quyết theo pháp luật và mong Tòa án không triệu tập tôi nữa.

Tại Bản án sơ thẩm số 12/2019/DS-ST ngày 02/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Áp dụng các Điều 26, 34, 147, 157, 158, 165, 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 11, Điều 14 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 166, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Tấn P và bà

Nguyễn Thị B đối với ông Huỳnh Tấn Q, bà Nguyễn Thị X.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Tấn Q về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E0435828 do Ủy ban nhân dân huyện Đ (nay là thị xã) cấp cho hộ ông Huỳnh Tấn P vào ngày 24/11/1995 tại thửa 738a, tờ bản đồ số 01, diện tích 250m², mục đích sử dụng đất: Thổ cư.

3. Buộc ông Huỳnh Tấn Q, bà Nguyễn Thị X trả lại diện tích đất lấn chiếm 69,55m² thuộc thửa số 738a, tờ bản đồ số 01, địa chỉ Khối 8B, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam cho hộ ông Huỳnh Tấn P.

- Giao cho ông Huỳnh Tấn P, bà Nguyễn Thị B được quyền sở hữu, sử dụng 01 giếng đóng và phần quán xây có kết cấu nhà trệt, tường xây, gác lửng, mái tôn, diện tích 53,15m² thuộc thửa số 738a, tờ bản đồ số 01, địa chỉ Khối 8B, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam, có tứ cận như sau:

+ Cạnh phía Đông giáp phần đất còn lại của thửa đất 738a có độ dài: 3,9m+1,3m+2,4m;

+ Cạnh phía Tây giáp hành lang thủy lợi 3,5m có độ dài: 6,7m;

+ Cạnh phía Bắc giáp phần đất còn lại của thửa đất 738a có độ dài: 3,0m+5,8m;

+ Cạnh phía Nam giáp mương bê tông 0,7m có độ dài: 7,9m + 0,2m + 1,0m.

Ông Huỳnh Tấn P và bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ hoàn trả giá trị 01 giếng đóng và phần quán xây diện tích 53,15m² cho ông Huỳnh Tấn Q, bà Nguyễn Thị X với số tiền **77.064.000** đồng. Ông Huỳnh Tấn Q, bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Huỳnh Tấn P và bà Nguyễn Thị B số tiền chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản là 8.000.000đồng. Được trừ vào số tiền **77.064.000** đồng, ông Huỳnh Tấn P và bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ thối trả cho ông Q, bà X. Vậy ông Huỳnh Tấn P và bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ thối trả cho ông Huỳnh Tấn Q, bà Nguyễn Thị X số tiền **69.064.000** đồng.

4. Buộc ông Huỳnh Tấn Q, bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ tháo dỡ chái tôn gắn liền với diện tích 16,4m² thuộc thửa số 738a, tờ bản đồ số 01, địa chỉ Khối 8B, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam, có tứ cận như sau:

- Cạnh phía Đông giáp phần đất còn lại thửa đất 738a có độ dài: 5,1m;

- Cạnh phía Tây giáp hành lang thủy lợi 3,5m có độ dài: 4,9m;

- Cạnh phía Bắc giáp thửa đất 738 có độ dài: 3,6m;

- Cạnh phía Nam giáp phần quán xây có độ dài: 3,0m.

(Có sơ đồ, bản vẽ kèm theo)

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quy định thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 03 tháng 7 năm 2019, bị đơn có đơn kháng cáo và ngày 20 tháng 7 năm 2019 bị đơn có đơn kháng cáo bổ sung, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, cho rằng Toà án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án không đúng, Toà chưa xác định có việc hoán đổi đất giữa cha mẹ tôi và ông P hay không; lối đi từ nhà cha mẹ tôi ra đường (đi qua thửa đất số 738a) mà vợ chồng ông P được cấp GCNQSDĐ năm 1995 đã tồn tại trước năm 1975 đến nay nhưng ông P kê khai và UBND huyện Đ cấp cho ông P cả diện tích lối đi này là không phù hợp. Đề nghị Toà phúc thẩm huỷ GCNQSDĐ mà UBND huyện Đ cấp cho ông P và công nhận quyền sử dụng đất phần diện tích 53,15m² đất cho vợ chồng ông Huỳnh Tấn Q.

Tại phiên toà, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng Thẩm phán chủ tọa phiên toà và Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà và ý kiến của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Ông Huỳnh Tấn P khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc vợ chồng ông Huỳnh Tấn Q, bà Nguyễn Thị X tháo dỡ toàn bộ tài sản xây dựng trên phần đất lấn chiếm, trả lại cho Ông diện tích 69,55m² đất thuộc thửa đất số 738a, tờ bản đồ số 01, địa chỉ khối phố 8B, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

Về phía bị đơn là ông Huỳnh Tấn Q có yêu cầu phản tố với nội dung yêu cầu: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E0435828, cấp ngày 24/11/1995, diện tích 250m², số thửa 738a, tờ bản đồ số 01, mục đích sử dụng đất: Thổ cư, được UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) cấp cho hộ Huỳnh Tấn P.

[2] Xét về nguồn gốc và quá trình sử dụng thửa đất tranh chấp, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Nguồn gốc thửa đất 738a do ông Huỳnh Tấn K là cha ông P ông Q kê khai đăng ký theo hồ sơ đăng ký số 299/TTg vào năm 1984 nhưng đến năm 1987 ông P cưới vợ thì vợ chồng ông Huỳnh Tấn K và bà Võ Thị R tặng cho vợ chồng ông Huỳnh Tấn P và bà Nguyễn Thị B diện tích đất này để làm nhà ở và các anh em ông P (*con ông K và bà R*) đều biết nhưng không có ai có ý kiến gì, hiện nay văn bản trình bày của họ cũng có nội dung như vậy. (Thời điểm này pháp luật chưa quy định về lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất).

Sau khi được cha mẹ cho đất, ông P đã làm nhà và sinh sống tại diện tích đất này đến năm 1997. Trước đó vào năm 1994, ông P đã kê khai đăng ký theo Nghị định 64/CP và được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E0435828, tại thửa số 738a, diện tích 250m², tờ bản đồ số 01, loại đất thổ cư cho hộ ông Huỳnh Tấn P vào ngày 24/11/1995.

[2.2] Về quá trình quản lý sử dụng đất:

Sau khi làm nhà gia đình ông P sinh sống trên đất bố mẹ cho đến năm 1997, do nhà bị nước lũ làm hư hỏng nặng nên vợ chồng ông P dời nhà vào phía bên trong sát vách nhà cha mẹ để ở, (trên phần đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ K), còn diện tích 250m² này sử dụng trồng rau màu.

Năm 2002, cụ R có dựng 01 quán nhỏ trên một phần thửa đất số 738a của hộ ông P, cũng thời điểm đó vợ chồng ông Q cùng đến ở tại quán với cụ R. Đến năm 2004 trở đi, vợ chồng ông Q tiếp tục coi nơi và xây dựng nhà, quán kiên cố. Theo kết quả đo đạc thẩm định, định giá ngày 26/5/2016 (BL 260) thì toàn bộ diện tích 69,55m² vợ chồng ông Q, bà X xây dựng nhà ở và quán buôn bán nằm trên thửa đất 738a, tờ bản đồ số 1, diện tích 250m² của hộ ông Huỳnh Tấn P đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3] Xét đơn kháng cáo của ông Huỳnh Tấn Q; Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong vụ tranh chấp giữa ông P và ông Q là 02 anh em ruột trong gia đình đã kéo dài nhiều năm, qua nhiều phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm và giám đốc thẩm. Tuy nhiên, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ để khẳng định việc cấp GCNQSD đất số E0435828, tại thửa số 738a, diện tích 250m², tờ bản đồ số 01, loại đất thổ cư cho hộ ông Huỳnh Tấn P vào ngày 24/11/1995 là có căn cứ và đúng pháp luật như đã phân tích viện dẫn về nguồn gốc đất nêu trên. Vì vậy Bản án sơ thẩm căn cứ vào Điều 2, Điều 20, Điều 73 Luật đất đai năm 1993 và việc xác định quá trình sử dụng đất ổn định, có kê khai đăng ký đất theo Nghị định 64/CP của hộ

ông P để xác định việc UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông P là đúng theo quy định pháp luật nên diện tích đất này thuộc quyền sử dụng của hộ ông P đồng thời chấp nhận đơn khởi kiện của ông P là có cơ sở.

Xét thấy: Diện tích đất nêu trên là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông P; tuy nhiên trên thực tế sau khi được cấp Giấy chứng nhận QSD đất gia đình ông P thời gian đầu có làm nhà ở và trồng hoa màu trên đất, sau đó chuyển lên vị trí khác xây nhà ở và cụ R có dựng 01 quán nhỏ trên đất, đến năm 2002 thì gia đình ông Q đến ở quán và bắt đầu việc xây dựng nhà ở kiên cố. Ông P cho rằng, khi ông Q xây dựng phần quán diện tích 53,15m² trên diện tích đất tranh chấp 69,55m², ông có phản đối nhưng ông không có chứng cứ gì để chứng minh. Hơn nữa, theo Công văn số 54/UBND ngày 22/11/2016 của UBND phường Đ thể hiện, tại thời điểm vợ chồng ông Q xây dựng quán trên đất của hộ ông P, UBND phường Đ không xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Q.

Như vậy hộ gia đình ông Q ở trên đất tranh chấp từ năm 2002 cho đến nay, trên thực tế có xây dựng công trình nhà ở kiên cố. Hiện nay hộ gia đình ông P có nơi ở khác độc lập với diện tích đất tranh chấp (*Gia đình ông P có nhà ở xây dựng kiên cố trên diện tích đất thuộc thửa đất số 738 mang trên cụ K*). Xét thấy hộ gia đình ông Q gồm vợ và các con cháu không có nơi ở nào khác, tài sản là nhà ở của ông Q xác định giá trị còn lại là 77.064.000 đồng, Bản án sơ thẩm tuyên buộc ông P được nhận lại nhà của ông Q và phải có nghĩa vụ trả tiền trị giá nhà cho ông Q, đồng thời buộc hộ gia đình ông Q phải rời khỏi nơi mà gia đình Ông đã ở từ năm 2002 đến nay là bất hợp lý. Trị giá QSD đất của 53,15m² theo định giá thị trường là 62.580.000 đồng, ít hơn trị giá tài sản trên đất.

Xét về nhu cầu nơi ở đồng thời đảm bảo sự ổn định và việc thi hành án được khả thi tránh việc cưỡng chế ra khỏi nhà; Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc ông Q phải có trách nhiệm thanh toán lại giá trị QSD đất mà gia đình ông đã sử dụng làm nhà ở và quán cho ông P, và không buộc ông Q phải di dời nơi ở để trả đất cho ông P là có lý và có tình, đảm bảo được quyền lợi và sự ổn định cho cả 02 bên đương sự là anh em trong gia đình. (*Diện tích đất còn lại của ông P có chiều ngang giáp mặt đường là 5,4m*).

Đối với tài sản trên phần diện tích 16,4m² ông Q coi nói khi có tranh chấp và ông P đã báo với chính quyền, do vậy buộc ông Q phải tháo dỡ trả lại đất cho ông P là có căn cứ.

Đối với nội dung kháng cáo về lỗi đi, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo kết quả đo đạc thẩm định và xem xét thực tế thì hiện nay có 01 lỗi đi do

vợ chồng ông Q tạo dựng để đi vào quán mà ông Q được Tòa án cấp phúc thẩm cho phép sử dụng và diện tích đất còn lại được cấp cho ông P (*Lối đi đổ bê tông từ đường qua nương thủy lợi vào đất*). Theo công văn 484/UBND ngày 18/5/2015 của UBND thị xã Đ thể hiện “*Trên bản đồ đo đạc ngày 20/5/21994 thì lối đi là đường giao thông ở phía Tây thửa đất của ông Huỳnh Tấn K và bà Võ Thị R, phần thửa đất được cấp GCNQSD đất cho hộ ông P cũng là đường giao thông ở phía Tây và phía Nam thửa đất của hộ ông P. Do đó lối đi vào nhà ông Huỳnh Tấn K là đất giao thông do nhà nước quản lý không cấp cho hộ gia đình cá nhân nào*”. Vì vậy đối với đất đã cấp cho cụ K vẫn đảm bảo về quyền có lối đi. Còn đối với lối đi hiện nay do gia đình ông Q làm, khi làm thì ông P cũng biết và không phản đối thì gia đình ông Q vẫn được phép sử dụng.

[4] Giải quyết các vấn đề Bản án đã có hiệu lực pháp luật và đã được thi hành sau đó có quyết định Giám đốc thẩm.

Thực hiện theo bản án số 17/2017/DSPT ngày 27/2/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đ đã thi hành khoản tiền 73.064.040 đồng mà ông P tự nguyện thi hành án. Trong đó số tiền 50.000.000 đồng đã chuyển cho ông Q, số tiền 23.064.040 đồng hiện nay cơ quan thi hành án đang gửi tiết kiệm tại ngân hàng. Như vậy nay ông P được nhận lại số tiền nêu trên do ông không phải trả giá trị tài sản cho ông Q.

Về án phí: Ông Huỳnh Tấn Q phải chịu án phí phúc thẩm dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Huỳnh Tấn Q.

Sửa một phần của Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2019/DS-ST ngày 02/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam về nội dung buộc trả lại đất bị lấn chiếm.

Áp dụng các Điều 26, 34, 147, 157, 158, 165, 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 11, Điều 14 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 166, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Tấn P và bà Nguyễn Thị B đối với ông Huỳnh Tấn Q, bà Nguyễn Thị X.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Tấn Q về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E0435828 do Ủy ban nhân dân huyện Đ (nay là

thị xã) cấp cho hộ ông Huỳnh Tấn P vào ngày 24/11/1995 tại thửa 738a, tờ bản đồ số 01, diện tích 250m², mục đích sử dụng đất: Thổ cư.

3. Buộc ông Huỳnh Tấn Q, bà Nguyễn Thị X trả lại diện tích đất lấn chiếm 69,55m² thuộc thửa số 738a, tờ bản đồ số 01, địa chỉ Khối 8B, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam cho hộ ông Huỳnh Tấn P. Trong đó diện tích 53,15m² đã được ông Q, bà X xây dựng nhà trên đất nên phải có nghĩa vụ trả bằng tiền là giá trị quyền sử dụng đất của 53,15m² là 62.580.000 đồng cho ông Huỳnh Tấn P và bà Nguyễn Thị B.

Ông Huỳnh Tấn Q, bà Nguyễn Thị X được quyền sở hữu, sử dụng diện tích đất là 53,15m² và tài sản Ông Bà đã tạo dựng trên đất gồm: 01 giếng đóng và phần nhà quán xây có kết cấu nhà trệt, tường xây, gác lửng, mái tôn, diện tích 53,15m² thuộc thửa số 738a, tờ bản đồ số 01, địa chỉ Khối 8B, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam, có tứ cận như sau:

- Cạnh phía Đông giáp phần đất còn lại của thửa đất 738a có độ dài: 3,9m + 1,3m + 2,4m;
- Cạnh phía Tây giáp hành lang thủy lợi 3,5m có độ dài: 6,7m;
- Cạnh phía Bắc giáp phần đất còn lại của thửa đất 738a có độ dài: 3,0m + 5,8m;
- Cạnh phía Nam giáp mương bê tông 0,7m có độ dài: 7,9m + 0,2m + 1,0m.

Ông Huỳnh Tấn Q, bà Nguyễn Thị X được quyền đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục tách GCNQSD đất của thửa đất số 738a, tờ bản đồ số 01, địa chỉ Khối 8B, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam, đối với diện tích đất được sử dụng theo quyết định của Bản án.

(Có sơ đồ, bản vẽ kèm theo như bản án sơ thẩm).

Buộc ông Huỳnh Tấn Q, bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ tháo dỡ chái tôn gắn liền với diện tích 16,4m² thuộc thửa số 738a, tờ bản đồ số 01, địa chỉ Khối 8B, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam, có tứ cận như sau:

- Cạnh phía Đông giáp phần đất còn lại thửa đất 738a có độ dài: 5,1m;
- Cạnh phía Tây giáp hành lang thủy lợi 3,5m có độ dài: 4,9m;
- Cạnh phía Bắc giáp thửa đất 738 có độ dài: 3,6m;
- Cạnh phía Nam giáp phần quán xây có độ dài: 3,0m.

(Có sơ đồ, bản vẽ kèm theo như bản án sơ thẩm)

4. Buộc ông Huỳnh Tấn Q, bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ trả lại cho ông Huỳnh Tấn P và bà Nguyễn Thị B số tiền 50.000.000 đồng đã nhận của ông P theo bản án đã bị hủy.

Ông Huỳnh Tấn P và bà Nguyễn Thị B được nhận lại số tiền 23.064.040 đồng và tiền lãi xuất như văn bản số 113/CVTHADS ngày 20/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ tỉnh Quảng Nam.

5. Chi phí xem xét thẩm định sơ thẩm: Ông Huỳnh Tấn Q, bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Huỳnh Tấn P và bà Nguyễn Thị B số tiền chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản là 8.000.000đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không chịu thanh toán tiền thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Huỳnh Tấn Q và bà Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông Q đã nộp tại biên lai thu số 0000319 ngày 03/7/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; P.HCTP; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Mai Xuân Thành